

TRẦN

TẠP CHÍ

TRẦN
TẠP CHÍ
MỚI
RA

TRI-TÂN TẠP-CHÍ

RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 208

Chưa rõ là diệt vong	Ng.-luong-Phuong
Đức Bảo Đại đã quả quyết thoái vị	Mạnh-Phan thuật
Tiến quân ca	Vân-Dung
Ngày Độc Lập	Phạm-mạnh-Phan
Đại nam đặt sự (LXX)	Nguyễn-văn-Tố
Một vị danh thần triều Nguyễn (VI)	Trúc-Khê
Dân tộc Việt nam rất dữ	
tư cách đề tự trị (II)	Vũ-bội-Liêu
Bản tuyền ngôn Độc lập của nước Việt nam	
Việt nam văn học sử (XVII)	Ứng-học
Du kích ca	V. D.
Bại đời... gió cuốn,	Có-Lý

GIÁ BÁO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chancéaulme — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vân-Thành 51, phố Cầu-dắt — Hải-phòng
Vũ-ages-Cô 40, phố Đông-khẩu — Hải-duong

BẢO MỜI

Tri-Tân nhận được VĂN-HÓA số 1 ra ngày thứ sáu — tuần báo của bạn trẻ — giá 1 \$ 30
Chủ bút : ông Đào-Hùng — Chủ nhiệm : ông Từ-Giấy. Báo khổ giấy lớn — cách xếp đặt mỹ-thuật — in hai màu.

Xin chúc bạn đồng nghiệp được trường thọ và giới thiệu cùng bạn đọc.

Kính cáo

CÁC ĐẠI LÝ MIỀN TRUNG VÀ MIỀN NAM

Vì đường giao thông chưa được như xưa, xin các Đại-lý miền Trung và miền Nam gửi trả tiền báo hàng tháng cho Bản-chỉ bằng ngân phiếu tức hành (mandat-télégraphique) vì nếu gửi ngân phiếu thường thì phải hai ba tháng mới tới nơi.

T. T

TÔI HÁT ĐẶC BIỆT

Giúp vào quỹ đoàn Văn - Hóa
Đặc bộ Việt-nam

Bốn bạn hát lớn ở Hà-thành. Tố Như, Ai Liên, Đại quốc Hoa, Nhật-tân-Ban sẽ đề riêng tôi hát chủ nhật 9-9-45 làm tối hát đặc biệt. giúp vào quỹ đoàn Văn-Hóa Đặc bộ Việt-nam để đoàn tiến hành công việc tổ chức nhà Văn-Hóa (tại Khai-trí tiến-dữ) đón tiếp Phái bộ Đảng Minh.

Chia rẽ là diệt-vong

Trong mấy trăm năm, những việc xảy ra trên giải đất Việt-nam này đã làm cho bao nhiêu người như ngủ mỗi thức, như mê chột tịt.

Không ai biết ai, trong thâm tâm đều cầu-ầu-lạ, mong mỏi, cầu-nguyện sự hoàn toàn độc-lập cho Tổ quốc.

Đến-đời một Chính-phủ duy-nhất liên-hiệp các tầng lớp trong quốc-dân đã chiến-thức thành-lập, việc trong thu-rếp rõ phần ổn-thoả song ta chờ vì ưu-điểm ấy mà quá lạc quan. Trái lại, ta cần phải kiên-kết hơn nữa và chặt-chẽ hơn, đoàn-kết đê-trạch đấu tranh-đấu cho đến cái ngày quốc-lập vnh-quang.

Chỉ một tư-tưởng trái-ngược một hành-vi mâu-thuẫn trong lòng này có hại rất lớn vì nó sẽ chia rẽ những phần-tử quốc-dân, rêu-rắc sự hoà-nghĩ mà chia rẽ hoà-nghĩ lúc này là mất hết lực lượng.

Thử nhìn các dân tộc trên thế giới đã phân-đảo thế nào để bảo-đồn lấy đê-quốc, nào Nam-tu-lạp phụ, nào Ba Lan mà gần đây lòng dũng cảm đang làm gương sáng-lạn về sự tranh-đấu.

Lại liếc lại trang lịch-sử đẫm máu của nước nhà ông cha ta đã phân-đảo thế nào?

Nếu khi vua tôi nhà Trần phải bỏ thành Thăng-Long chạy vào Thanh-Hóa mà tướng sĩ chia rẽ thì sao tháng ba năm Mậu Tý (1238) Trần quốc Tuấn phá nổi quân Mông cổ ở Bạch đằng Giang mà vững cái rau vàng của non sông đất Việt?

Nếu trong ngày cận lương ở Chí Linh mà dân quân của Lê-Lợi tan-vỡ thì Bắc-phương Vương khôi-phục sao được dư đồ?

Chia-rẽ là diệt vong!

Chia-rẽ là phân-bội

Người nhà còn có tư-tưởng chia rẽ có phương hại đến nền độc-lập của nước nhà từ là một kẻ ở ngoài, kẻ ở trong ấy không còn đứng sống trên giải đất này che chở và che chở cho người nước này, vì người đã quên hẳn mình là người Việt mà ở phụ non sông của nước Việt.

Trước kia tình-thế chưa rõ-rệt, ngày nay sự thế đã đổi thay, lòng dân chỉ có một thời tư-tưởng không thể chia hai được. Phương-ngôn nói:

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao,

Đồng trối đã có câu. « Gởi dùm nơi dân dùm, gởi nghe nơi dân nghe », trong buổi toàn thắng của nhà ta còn có tư-tưởng chia rẽ tức là trái với lòng giới sĩ-võ, dân-người, người trí giả biết yêu nước nhưng nơi cần phải suy-ngĩ, cần phải đoàn-kết, cần phải hợp-lực để xây dựng cái nền tảng quốc gia để khỏi gây ra cái sự « nổi đả nẫu » thì thế nước lại gặp phải cái chuyện trái ngược thời thật là một điều đáng tiếc!

NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯƠNG

MỘT TỜ CHIẾU LỊCH SỬ

ĐỨC BẢO ĐẠI ĐÃ QUẢ QUYẾT THOÁI VỊ ĐỂ LẬP MỘT CHÍNH PHỦ DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Ngày 25 - 8 - 1945 Ngự tiền văn phòng gửi Khâm-sai Bắc-bộ Nam-bộ và các tỉnh trưởng Thanh-hóa, Vinh, Quảng-trị, Đồng-bới, Faiseo, Đà-răng, Quảng-ngãi, Quy-nhon, Sông-cần, Nha-trang, Phan-rang, Phan-thiết, Đà-lạt Djiring, Pleiku, Kontum, Banmethuot.

Tôi xin cung lục ban chiếu thoái vị của Hoàng-đế vừa ban hôm nay để các ông tuân phụng và nhờ cung lục quốc dân tuân phụng :

« Hạnh phúc của dân Việt-Nam, độc lập của nước Việt-Nam, muốn đạt mục đích ấy, Trẫm đã tuyên bố sẵn sàng hy sinh tất cả mọi phương diện và cũng vì mục đích ấy, nên Trẫm muốn sự hy sinh của Trẫm phải có bổ ích cho tổ quốc. Xét thấy điều bổ ích nhất cho tổ quốc lúc này là sự đoàn kết toàn thể quốc dân, Trẫm đã tuyên bố ngày 22 tháng 8 vừa rồi rằng trong giờ nghiêm trọng này đoàn kết là sống mà chia rẽ là chết, nay thấy nhiệt vọng dân chủ của quốc-dân Bắc-bộ lên quá cao, nên Trẫm từ ngỗ yên mà dợi quốc hội thì không thể nào tránh được nạn Nam Bắc phân tranh, đã thống khổ cho quốc-dân, lại thuận tiện cho người ngoài lợi dụng, cho nên mặc dầu Trẫm hết sức đau đớn nghĩ tới công-lao liệt thánh vào sinh ra từ trong gần 400 năm, mở-mang giang-sơn đất nước từ Thuận-hóa đến Hà-tiên mặc dầu Trẫm hết sức hui ngủ cho nổi làm vua trong 20 năm trở mới gần gũi quốc dân được mấy tuần, chưa làm được gì.

Trong khi trao quyền lại cho chính phủ mới, Trẫm chỉ mong ước ba điều sau này :

1. Đối với tôn-miếu và lăng-tẩm các liệt thánh, chính-phủ mới nên xử trí thế nào cho có sự thờ.

2. Đối với các đảng phái đã từng phấn đấu cho nền độc-lập quốc-gia, nhưng không đi sát theo phong trào dân-chúng, Trẫm mong chính-phủ mới sẽ lấy sự ôn-hòa xử trí, để những phần tử ấy cũng có thể giúp vào việc kiến-thiết quốc-gia và tỏ rằng chính phủ Dân-chủ Cộng-hòa nước ta xây đắp trên sự đoàn kết của toàn thể quốc dân, ích lợi cho quốc dân như lòng trẫm muốn, trẫm cũng đã quyết thoái vị để nhường quyền điều khiển quốc dân lại cho một chính phủ Dân chủ Cộng hòa.

3. Đối với quốc dân, Trẫm khuyên hết tất cả các giai cấp, các đảng phái cho đến các người hoàng phái cũng vậy, đều nên hợp nhất mà ủng hộ triệt để chính phủ Dân chủ giữ vững nền độc lập của nước, chứ đừng vì lòng quyến-luyến Trẫm và hoàng gia mà sinh ra chia rẽ. Còn về phần riêng Trẫm trong 20 năm ngai vàng bệ ngọc đã biết bao ngậm đắng nuốt cay. Từ nay Trẫm lấy làm vui mừng được làm dân tự do của một nước độc lập, chứ Trẫm nhất quyết không để cho ai lợi dụng danh nghĩa của Trẫm hay của hoàng gia mà lung lạc dân chúng.

Việt Nam độc lập muôn năm.

Dân chủ Cộng hòa muôn năm. Khâm thủ »

Phụng ngự ký : BẢO ĐẠI

Hồi 15 giờ 30 ngày 24-8-45, văn phòng của vua Bảo Đại có gửi bức điện văn sau đây cho U. B. N. D. C. M. Bắc bộ Việt Nam.

« Khâm phụng hoàng đế sắc văn phòng: tôi trả lời bức điện văn của quý ủy-ban rằng, Ngài vui lòng thoái vị, ngay và đã sắp đặt sẵn sàng, nhưng vì có trách nhiệm đối với lịch sử và toàn thể quốc dân, ngài muốn cho sự thoái vị của ngài có ảnh hưởng tích lợi cho tổ quốc, và muốn Chính phủ mới chính thức ra mắt quốc-dân một cách rất long trọng, ngài mong ông chủ tịch Chính phủ Nhân dân Cách mạng Lâm thời gấp về Thuận hóa để ngài giao chính quyền, và ngài muốn cho ông biết ngay để làm lễ ấy.

Đồng thời, Hoàng đế lại sắc văn phòng tôi chuyển sao bức điện văn này cho nhà đương chức Nhật và Ủy-ban nhân dân cách mệnh tại Thuận hóa biết.

Hôm 26-8 U. B. P. D. T. V. N. (chính-phủ lâm-thời) đã đánh điện cho vua Bảo Đại hoan nghênh

nhà vua đã thoái vị nhường chính-quyền cho Việt-Minh là đại biểu của các tầng lớp dân chúng.

Đoàn đại biểu của chính phủ lâm thời đã khởi hành đi Huế từ sáng 27-8-45.

U. B. N. D. C. M. B. B

Vua Bảo Đại đã trao chính quyền cho đại biểu Chính phủ Cộng hòa

Hồi 19 giờ hôm 30-8-45 tại

Huế đã làm lễ thoái vị của vua Bảo Đại — Lễ cử hành tại trước Ngọ Môn — Hàng vạn người đã tới dự lễ.

Đại biểu Chính phủ Lâm thời có các ông Trần Huy Liệu, Lê Văn Hiến và Bộ trưởng Cựu. Ông Lê Văn Hiến chủ tịch lễ thoái vị có nói vài lời về ý nghĩa lễ ấy.

Hồi 19 giờ 30, vua Bảo Đại đọc biểu chính thức thoái vị trong máy truyền thanh và xin làm công dân của nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

Ông Trần Huy Liệu nhận ấn kiếm quốc bảo và quốc quyền — Năm phát súng lệnh nổ. Cờ vàng lạt xuống và cờ đỏ sao vàng kéo lên — Ông Lê Văn Hiến vào ngực ông Vĩnh Thụy huy hiệu cờ đỏ sao vàng để ông nhận quyền công dân.

Ông Vĩnh Thụy đã biểu chính phủ hai chiếc phi cơ và nhận làm cố vấn cho chính phủ — Ông Trần Huy Liệu đọc danh sách nhận viên trong chính phủ Lâm Thời, Việt nam được quốc chúng nhiệt liệt hoan hô — Lễ cử hành rất long trọng và cảm động.

P. M. PHAM

TIỀN QUÂN. CA

Đoàn quân Việt-Minh đi chung lòng cứu quốc
Bước chân dồn vang trên đường gập-ghenh xa.
Cờ in máu chiến thắng mang hồn nước,
Súng dăng xa chen khúc quân hành ca.
Đường vinh quang xây xác quân thù
Thắng gian lao đoàn Việt lập chiến khu
Thề phan thây uống máu quân thù
Tiến mau ra xa trường, tiến lên!
Cùng thét lên! trí Trai là đây nơi ước nguyện.



Đoàn quân Việt-Minh đi, sao vàng phấp-phới,
Giắt giồng nôi què-hương qua nơi lăm than.
Cùng chung sức kiến-thiết xây đời mới,
Đứng đều lên, gông xích ta đập tan
Dù thấy tan xương nát không sờn
Gắng hy sinh đời ta tươi thắm hơn
Từ bao lâu ta nuốt căm hơn
Võ trang đâu, lên đường hỡi ai!

Lòng chờ quên Bắc-sơn, cùng Đò-lương, Thái-
nguyên.

VĂN-DUNG

Trước bàn thờ Tổ Quốc trong

Ngày Độc Lập

PHẠM-MẠNH PHẠM

NĂM 1945 là một ngày đầy vẻ thiêng liêng và đùng cảm của tổ quốc!

Cổ đô Thăng Long đã từng chứng kiến những cuộc thịnh suy của lịch sử đã tràn ngập trong rừng cờ đỏ sao vàng mà reo mừng nước nắng thu tươi đẹp cái ngày vinh quang ấy của đất nước.

Non trệu dân Bà thanh và vùng lân cận đã kính cẩn nghiêng mình trước bàn thờ tổ quốc cùng với nhứt viên của Chính phủ dân chủ cộng hòa mà sát cánh cam kết hy sinh đến cùng để giữ vững nền độc lập Việt nam chống mọi cuộc xâm lăng của quân tàn bạo!

Non trệu trái tim đã cùng đập một điệu, đã cùng lời hô hợp trong giờ phút thiêng liêng chưa từng có trong lịch sử của xứ sở.

Mọi người đều nhiệt liệt hoan hô đón chào cái kỷ nguyên mới ấy của đất nước với bao niềm ham tuồng với bao ước vọng của một ngày mai tốt đẹp!

Hàng triệu người như một đều đồng lòng tin tưởng ở tình đoàn kết chặt chẽ ở chí oanh liệt cương quyết của cả một dân tộc vùng lòng đòi quyền sống tự do dưới một bầu trời cao rộng.

Hàng triệu người đã cùng nhau cam kết mạnh mẽ giữ vững nền độc lập để cùng nhau thời lý tưởng: Chết vinh còn hơn sống nhục!

Trước bàn thờ Tổ quốc, nước lặn khói hương
rừng người đều hướng về một hướng
bàn thờ của quốc đã từng vào sinh ra tử, hy

sinh biết bao xương máu cho non sông trong những ngày mai bền.

Trước sự mạnh mẽ của quân thanh tàn diệt giặc xâm lấn giống nòi Hùng Lạc, các bậc tiền đồ trí thức hiên ngang đã từng uống máu quân thù không cùng kẻ địch đời đời chung một lòng nặng vì nước mà coi mình làm nhẹ.

Trải những cơn mưa gió nặng nề, non sông đã Việt dã từng bao phen tắm máu quân thù.

Bọn thống trị Phá sản và dã tâm của quân chiếm thắng, lấy sức mạnh của súng đạn đã thẳng tay đàn áp: trong khốn khổ của cuộc thất, ngoài cảnh hoang tàn của Côn đảo, những chiến sĩ vô danh và chiến đấu cho nền độc lập mà phải bỏ mình nơi bu quanh cam chịu cho số phận đê độn tàn.

Những bậc anh hùng, không chịu ép mình khuất phục kẻ thù đã phơi bày nơi chiến địa: máu đã chảy, xương đã tạc, đầu đã rụng!

Trong Ngày Độc lập, những anh hùng kỳ anh còn phảng phất đó đây trên nhánh cây ngọai cổ!

Vạn nước đã đổi thay.

Giọng sơn đất Việt với « Ngày Độc lập » đã quay về với cổ chủ.

Nhưng sẽ định vẫn làm cho nước non sống lại đất này.

Trước nạn xâm lăng đe dọa, mọi người trong « Ngày Độc lập » đã cam kết cùng nhau sống chết giữ vững nền tự chủ hoàn toàn.

Tất cả cam đồng và hy sinh để cảnh Việt nam được một lòng tha thiết nặn gỏi thề.

« Chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa do Quốc dân đại biểu đại hội cử lên, xin thề rằng:

(Xem tiếp trang 18)



XXXIX. — Lý Anh-tông

Ngày mồng một tháng mười, năm mậu-ngọ 1138 hoàng-thái-tử Thiên-tộ lên-ngôi hoàng-đế ở trước cửa Lý Thần-tông (1127—1138). Lúc bấy giờ Thiên-tộ mới lên ba, mẹ là Lê thái-bậu thùy hèm thánh-chính, đời niên hiệu là Thiệu-minh và đại xá thiên-hạ (*Đại-Việt sử-ký, toàn thư, q. 3, tờ 42 a*).

Cùng năm ấy (1138) họp quần-thần minh-thệ ở điện Thiên-an (*Khâm-định Việt-sử, q. 4, tờ 34 b*), sai sứ sang nhà Tống cáo phó (*Toàn-thư, q. 3, tờ 42 a*). Sang năm sau (1139) sứ nhà Tống sang sách phong vua Lý Anh-tông làm giao-chỉ quận-vương.

Anh-tông lên ngôi, tôn mẹ là Cẩm-thánh phu-nhân làm hoàng thái-bậu. Nguyên xưa em Đỗ thái-bậu (vợ Sung-biến-hần, mẹ Thần-tông) là Đỗ Anh-vũ, trẻng mạo tốt đẹp, khéo múa hay hát, tám tuổi tuyển bổ Thượng-lâm tử-độ, mười sáu tuổi Thần-tông nhậm làm nội thị duy-ho. Lê thái-bậu (vợ Thần-tông, mẹ Anh-tông) trông thấy đẹp lòng, năm 1140 Lê thái-bậu thăng Đỗ Anh-vũ chức tể-tham-mưu, đại diện ngoại sự. Anh-tông còn nhỏ,

không biết Anh-vũ là ý-trung nhân của Lê thái-bậu, nên việc lớn việc nhỏ đều giao cho Anh-vũ (*Khâm-định, q. 4, tờ 35 a và Đại-Việt sử-ký cái-lương, q. 2, tờ 35 b*).

Anh-vũ ra vào cung cấm sinh kiêu, ở chốn triều-dình giơ tay to bồng, chỉ trỏ (cái lấy tay trỏ, miệng không chịu nói) giận dữ người dưới nghênh mả không dám nói. Vào khoảng tháng 10 năm 1150 chức điện-thien chỉ huy-sứ là Vũ Đái cùng Trí-như-vương (không rõ tên), Bả-ninh-tầu (không rõ tên) và phụ-mã-lang là Dương Tự-môn bàn mưu đến bái; đã định sẵn rằng, bọn Vũ-Đái đem quân đến cửa thành, hô to lên rằng: « Anh-vũ ra vào nơi cung cấm, tiếng xấu đồn ra tận ngoài, tội nặng lắm, bọn chúng tôi xin trừ trước đi ». Vua nghe tiếng xuống chiếu « cho cấm quân bắt Anh-vũ, trói ở hành lang tả-hưng-thánh, rồi gao đình xử xét việc ấy ». Thái-bậu sai người đem cho rượu thịt, ngầm đồ vàng ở trong đồ ăn, bảo lo lót với bọn Vũ-Đái và giám-thủ Nghe thất thổ, chức bên-dầu ở tả-hưng-thánh là Nguyễn-Dương nói rằng: « Các người

tham của dứt, thì rồi ta cùng các người không khỏi chết về tay Anh-vũ, chỉ bằng giết trước đi, đồ khỏi lo ẽ sau », bèn cầm gáo toan đâm thì chực tả-hưng-đô là Đàm-dĩ-mông cướp lấy giáo ngăn rằng: « Điện-thien bảo Anh-vũ tội đã g cấ, nhưng nên đợi mệnh vua, không nên tự ý giết ». Nguyễn-Dương tức giận, chửi rằng:

« Điện-thien là Vũ cấ, chứ không phải Vũ-Đái, Sao tham của dứt của người là mà không tiếc tính mệnh ». Nói đoạn, tự bõ, rằng sao không kéo chết về tay Anh-vũ bèn nhảy xuống giếng tự tử.

Sau vua giam Anh-vũ ở ngục, kết tội đốn-nhi (tội đ3); thái-bậu lo buồn, nghĩ cách gỡ tội, thường đặt ra những bới lớn để tha tội nhân, mong Anh-vũ cũng được tha. Quả nh ến Anh-vũ vì thế được tha, lại được làm thái-úy phụ-chính như cũ. Từ bấy giờ Anh-vũ lại càng được sủng hạnh, họa phúc sinh sát đều do tay hắn, ngày ngày chỉ chăm về việc báo oán (*Khâm-định, q. 5, tờ 2a đến 3b*).

Trước hết muốn đánh đổ bọn Vũ-Đái tự dưng hơn một trăm thủ-hạ làm phụng-quốc vô-dô, giao cho việc đi bắt phạm-nhân, một lần với vua rằng: « Ngày trước bọn Vũ-Đái thiện uận đem cấm quân đội nhập quyết-định: không tội gì lớn hơn, nếu không trừ sớm sợ ngày sau sinh biến, chưa biết chừng ». Vua y lời tâu, sai phụng-quốc vô-dô đến bắt bọn Vũ-Đái giao xuống các quan thị tội, giáng Trí-
(Xem tiếp trang 37)

Vũ phạm Khải

MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

36 6

TRÚC-KH

Ông Vũ nói thế là vì thấy ông Phan văn tự nghĩ mình là người Nam kỳ đầu tiên thi đỗ đại khoa, thường có cái ý muốn sau này được phối hưởng vào Văn-miếu, vì vậy định nói để khích-động. Ông Phan nghe xong im lặng, lúc, lâu rồi phàn nàn :

Khốn nhưng không thể làm gì được.

Sau mấy tháng ông Phan lại bỏ mất ba tỉnh mà chết.

Khi đã tự chức, được lúc nhàn rồi Võ Phạm Khải lại thu dạy học trò, bọn Ngô Quý-Đồng, Lê-Đại, Phạm như Xương, Nguyễn văn Giảng, Dương Tự, Nguyễn Mân, Nguyễn văn Lâm, Nguyễn văn Huy, Lê văn Hân, Nguyễn Đĩnh, Nguyễn văn Hoán (1) đến theo học có tới hàng trăm, các bậc thân công đại thần cũng thường cho con đến thụ nghiệp. Ông bên cứ nửa ngày đọc sách, nửa ngày làm việc quan, đêm khuya thì ngồi chằm vào bài, bàn rượu ấm chè, tùy theo thích muốn, quên cả cảnh hưởng làm một chức quan rồi tẻ lạnh.

Bấy giờ trong quán, những bạn cùng làm chức Toàn-tu là các ông Phan văn Nãi, Trần Liên Huy, Phạm Huy, Phạm húy-Đức ; thuộc viên là các ông Trần hữu Đức, Phạm huy Bình, Lê nặng Hoàng, Lê Cơ, Phạm văn Lịch ; còn các ông Trần tiến Thành Phan Huy-Vĩnh thì là chánh phó Tổng tài. Các quan lớn ở kinh như bọn các ông Phạm phú-Thứ, Nguyễn văn - Bình, Võ trọng Bình Nguyễn Tư - Giản, Trần hý Táng v. v. đều lấy thơ văn, chính trị, cùng đi tại Khơi Đới thăm mặt. Một hôm vua phê hỏi về thể cách thơ văn và sự khác nhau của cổ văn với tân văn, ông lần lượt đáp phúc và lại nói :

— Thơ văn của người xưa đều là ghi chép sự thực. Có cái chỉ dành đẹp của vua Tuyên vương nên thơ Thương-võ làm thơ Nhã, có cái việc bưng vó của vua Âu Cao nên thơ Âu-võ làm thơ Tụng có cái việc dùng binh một cách anh đoán của vua Đường Thái-tông nên bài Bình Hoai mới làm bia làm văn, đó đều là thơ văn dùng để ghi chép sự thực cả.

Bè bạn kẻ người cười những câu nói đó là nói mạn, ông đáp rằng :

— Ngày nay ngoài biên cương lắm việc, đã không bày ra được một kế sách gì, há nên còn đem hư văn để làm chia lòng lo lắng của đức Hoàng thượng ư ?

Năm thứ 19, Võ phạm Khải vẫn làm Toàn-tu ở Sử quán; cùng bạn đồng quán soạn xong bộ *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ*, tức là bộ sử chép về đời đức Thánh tổ Nhân hoàng-đế, Hoàng thượng ban cho vốn âm và thưởng cho rất nhiều cùng Kim-tiền ngân-tiền nhơn nỏ.

Ngài lại bị ông duyệt những bài thơ ngự chế và truyền cho tiến trình nhưng thơ văn ngày thường làm ra. Ông lựa những bài thơ bài văn thiết với thời cảnh mỗi thứ mười bài dâng lên. Lại phụng tiếp được hai bài luận Chấp-trệ và Ngụy Trưng, thơ 18 bài, Bạch đầu ngậm 1 bài, đều là những thơ văn ngự-chế trao cho duyệt lại.

Tính ông nói năng thường không dè dặt, dễ mất lòng người, vua Dục tôn biết rõ như vậy, nên một lần ngài nhân phê cho vào cung chiêm ở nhà Duyệt thị, có ban lời dụ rằng :

— Nhà người tuổi đã già, tính nên thuận theo chẳng những ở nơi công-hội nên thế mà trong sự ứng xử với mọi người cũng cần phải thế.

(1) Bọn này sau đều đỗ Tiến-sĩ, Lễ-nhân hoặc Thá-tái

Ấy ngài muốn vì ông giữ cho được vẹn vẻ như vậy.

Sầy cả viên tướng Pháp từ Già - định đến kinh, đòi ta cắt nhường cõi đất ba tỉnh Vĩnh - long, An - giang và Hà-tiên, việc giao ra đình nghị, ông Khải cũng tham dự. Các thân-công đại-thần đều hướng vào ông, đòi ông phải phát biểu ý kiến. Ông nói:

— Lòng giặc tham lam không chán, ta đã trót làm lỗ một lần, há còn nên làm lỗ đến lần thứ hai; nhất định không nên cho chúng nó.

Các quan nói:

— Nắm đánh thì nên như thế nào cho được vẹn toàn?

Ông nói:

— Phải ở trong vòng vạn nguy vạn chết mới làm ra được cuộc vẹn toàn, chứ lời chưa nghe chịu ngồi bó tay mà nói có sự vẹn toàn được.

Quan Ngũ quân Đô-thống Đoàn Thọ hỏi:

— Nhưng họ có tàu có súng, mình làm thế nào chống lại được?

Ông nói:

— Thế nước Pháp với nước Phổ thì sao?

Rồi ông quát lớn:

— Ngày thường tôi có bao giờ nhờ các ông làm thơ hộ không, sao lúc có giặc các ông lại cứ hỏi rầy rà đến bọn văn nhân? Caiền-sĩ đời xưa không nói hòa, chiến-sĩ đời nay chỉ một vật nói hòa, quan võ đời xưa không sợ chết, quan võ đời nay chỉ một vật sợ chết, sao mà đời nay lại khác hẳn đời xưa như vậy?

Nói xong ông Khải khóc lăm lăm, khiến cho cả triều đều ngậm ngùi ủ rũ.

Năm ấy ở kinh đô có loạn Đoàn Trưng, Đoàn Trục, ông nghe biến, họp các hạn đồng quán đề bàn rồi thân đến gõ cửa khuyết, cửa đóng palai quay về, không bao lâu thì trong hoàng - thành đã bắt được cả bọn quân giặc.

Mùa đông năm ấy, vua sai公主 kiểm bộ Tu ệu-trị văn-quy, ông thế dài mà rằng:

— Có lẽ giờ đã định cho ta cứ làm việc văn đến già đời chăng?

Năm thứ 20 ông Khải cùng các bạn đồng quán khởi thảo bộ Thư-lược chính - huấn - độ - tam kỷ, lại phụng soạn những nhạc - chương dùng khi tế Giao thế Mổn. Chưa bao lâu, phụng sai ra làm phó chủ-

khảo ở trường thi hương Hà - hội. Bấy giờ ở các trường thi, sĩ tử nếu bị quan trường đối đãi khắc nghiệt, hay ở cuộc nào loạn, vì thế quan trường đối với sĩ tử, thường coi như đoàn quân địch. Ông Khải là người vốn được sĩ tử mến kính, nên những sự nào loạn không hề xảy ra. Việc trường thi xong, các quan chánh phó chủ khảo cùng họp lại với mấy đại thần là Đào Trí, Tổng-đốc Hà-Ninh, Nguyễn Bá-Nghi, Tổng-đốc Sơn-tây, Phạm Chi - Hương, Tổng-đốc Bắc-ninh, mở một tiệc rượu ở Hà-hội rất vui vẻ, người ta truyền là Long-thành - hội. Trong tiệc, có làm nhiều thơ tế xướng họa. Bài thơ của ông Khải có hai câu này rất xuất sắc:

Ngắm biên kỳ cổ tam nguyên sở,

Tọa hữu cầm lân nhất lãn quan.

Nghĩa là: Cờ trống trong cuộc ngấm thơ có ba nguyên sở (trở ba quan Tổng-đốc), cung đàn chôn rượu ở bên chỗ ngồi có một viên quan nhàn tản (trở vào mình).

Nhưng cảm khái về thời thế khiến ta xem phải sử dụng thì là bài thơ của quan Tổng-đốc Bắc-ninh:

Mạn ngôn thế sự nhược sơn hà,

Biệt hậu tương phùng cảm khái đa.

Bút ha linh hoai nan lữ lữ,

Tôn tiền my mấn các ba ba.

Bắc biên kỳ độ lao phí vũ

Nam khiêu hà niên tẫn khái cá?

An đắc thanh bình vô đề sự,

Long biên vị yếm bách hồi qua.

Nghĩa là: Người ta thường nói phiếm rằng việc đời như núi với sông sâu khi phùng mình xa cách nhau, nay gặp gỡ đây biệt bao nỗi cảm khái. Dưới bút không thể đem hết tình hoài mà tả, ra được, trớ trêu chén nhĩa xem tóc râu mọi người đều đã bạc phơ. Nghĩ đến việc nhà nước lúc này thật có nhiều nỗi đáng buồn: ở biên cương miền bắc mấy lần bay vũ bị h rợn rợn, ở bờ cõi phía nam, bao giờ có tiếng quân hát mừng là đã đánh đuổi được giặc Pháp nước nhà thanh bình không có sự gì cả, thì đất Long - biên đầu qua chơi trộm lẫn cũng chưa thấy chán.

(Còn nữa)

TRUC-KHAI

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 7)

minh-vương làm tước hầu Bảo-ninh-hầu làm tước minh-tự Bảo-thắng-hầu làm phụng chức, bọn Vũ-Đái hai mươi người chém rồi bêu đầu ở các ngọn sông, bọn Đồng-Lợi (làm nhưc hỏa đầu vệ Ngọc-giai) tám người chém ở chợ tây, bọn Dương-tự Mạnh ba mươi người dấy ở chỗ nước đục các ven-châu các người dự mưu đều bị tội đồ (Khâm-định, q. 5, tờ 3 b đến 4 a)

Vào khi ấy Nguyễn-Quốc đi sứ nhà Tống về, nói rằng: « Ở sân điện nhà Tống có cái hòm đồng để nhận những tờ tâu của bốn phương, xin bắt chước làm. đề đặt được tình người dưới ». Vua nghe theo, đặt một cái hòm ở sân điện, cho ai có việc cứ viết thư bỏ vào trong ấy. Một hôm có cái thư nặc-danh nói Anh-vũ làm loạn. Anh-vũ ngờ Nguyễn-Quốc viết thư ấy, vu hãm cho Nguyễn-Quốc phải tội, dấy vào trại Thanh-hóa. Chưa được bao lâu, vua với Nguyễn-Quốc về, Anh-vũ lấy rượu có thuốc độc đưa cho, Nguyễn-Quốc liệu không thoát được, uống thuốc độc chết, hồi tháng hai năm 1158 (Khâm-định, q. 5, tờ 9 a b).

Vào khoảng tháng mười năm 1140, có người xem bói tên là Thân-Lợi tự xưng là con Lý Nhân-tông đem đồ đảng đến châu Thái-nguyên, ra châu Tây-nông, qua châu Lục-linh, vào chiếm châu Thông-nguyên, châu Hạ-nông. anh em tập tễnh đưa vong mệnh, mở hồ-bình mưu việc làm loạn, tự xưng Bình-vương lập hậu-phí, phỉnh vương-tần, những kẻ đảng đều có quan tước. Lúc bấy giờ

đảng của Lợi chỉ hơn nghìn người đi đến đâu nói dáo lêu rằng Thân-Lợi khéo binh - thuật, hai bên khe động duyên biên, đều chấn động sợ hãi, không ai dám chống cự: thư ở biên giới gửi về cáo cấp. Tháng 2 năm 1141 vua sai gián-ngự đại-phu Lưu-vũ-Di đi đường lược, thái - phó là Hứa-viêm-Do đi đường thủy, đem quân tới đánh Bộ-trưởng của Lưu-vũ-Di là bọn Tô-Tiệm và Trần-Thiền tiến lên trước, gặp thủy quân của Thân-Lợi, hai bên đánh nhau Trần - Thiền bị thua chết. Thân-Lợi đắp ải Bắc-nghệ để chống cự: Lưu-vũ-Di hết sức đánh mới hạ được, tiến đến Bồ-đinh, Thân-Lợi thả quân thủy ra đánh, Lưu-vũ-Di thua, tướng sĩ chết quá nửa, bèn thu quân về.

Tháng tư năm ấy Thân-Lợi ra giữ Tây-nông, đem người các chỗ Thượng-nguyên Tuyên-bóa, cảm-bóa, Vĩnh-thông đến dấy phu Phú-lương, hãm được, bèn vào giữ phủ - thành, cùng đồ đảng mưu cướp kinh - sư. Vua sai Anh-vũ đem quân đi đánh. Lúc bấy giờ quân Thân-Lợi tiến đóng ở Quảng-dịch, gặp quân Anh-vũ đánh nhau rất lớn. Quân Lợi thua, chết không biết bao nhiêu mà kể, bắt được đảng của Lợi là Dương-mục thủ-lĩnh châu Vạn-uhai, và Chu-ái thủ-lĩnh động Kim-kê. Thân-Lợi trốn chạy đến châu Lục-linh, vua lại sai Anh-vũ đi đánh, bắt sống được hơn hai nghìn người. Lợi chạy về Lạng - châu: Vua xuống chiếu cho Tô - hiến - Thành đem quân đuổi theo, bắt sống được Thân-Lợi đưa cho quân Anh-vũ đóng cũi đưa về kinh sư, giao

xuống các quan luận tội chém, Lợi và hai mươi người đồng mưu chết chém, ngoài ra theo thứ tự luận tội nặng nhẹ, (Khâm-định q. 4, tờ 35 b đến 38 a).

Hơn bốn trăm người bị hiếp tùng, đều phải vâng đi đây. Tháng mười hai năm sau (1142) Tô-hiến - Thành nói với vua, rằng « Đảng Thân - Lợi khởi loạn, giết nhiều quan quân, bệ hạ chỉ làm tội hai mươi người, là nhân rất mực. Nhưng vua Ngọc-âu vua Tô-ấn truyền cho nhau hơn trăm năm, mà chỉ đây có bốn kẻ dữ. Nay đây đến hàng trăm người, là có phải bệ hạ tâm của Bệ hạ thế nào: tôi xin tâu, đề cho người ta được khắp ơn trạch, thì cái lòng nhân của Bệ hạ hơn với Nghê-âu Tấn-ấn ». Vua nghe theo, xuống chiếu tha tội cho đồ đảng của Thân-Lợi (Khâm-định, q. 4, tờ 39 b 40 a). Tháng tám năm ấy tức 1145, người nhà Tống (Toàn-thư, q. 4, tờ 5, chép là yên-niên^o Khâm-định, q. 4, tờ 41 a chép là thê-niên) là Đàm-hữu-Lượng trốn vào Châu Tư-lang (nay huyện Thượng-lạng, huyện Hạ-lang, thuộc tỉnh Cao-bằng) tự xưng Triệu-tiên-sích. nói dối là đi sứ, chiếm-dự những dân xung quanh biên giới và các khe động. Hữu-Lượng giữ đất Thông-nông (nay tổng Thông-nông, châu Thạch-lâm, tỉnh Cao-bằng) đem đồ đảng vào cướp bóc châu Quảng-nguyên (nay châu Quảng-nguyên, thuộc Cao-bằng) gặp lúc ấy chức kinh lược sát-tý lộ Quảng-tây đưa thư xin bắt Hữu-Lượng. Vua Lý Anh-lông xuống chiếu cho phụ-mã-lang là Dương

tự-Minh, văn-thần là Nguyễn-nhữ-Mai và Lý-ngãi-Vinh đi đánh. Chưa được bao lâu, vua Lý lại sai thái sư là Mậu-du-Đô đem các quân ở xung quanh biên giới đi đường bộ để tiếp đến đánh. Lúc bấy giờ Dương-tự-Minh đã hạ được châu Thông-nông, bắt được đồ-dạng của Hữu-Lượng là bọn Bá-Đại hai mươi một người, duy Hữu-Lượng chạy thoát, trốn ở trong khe núi. Vua Lý xuống chiếu cho quân-quản-sứ là Nghĩa-Vinh quân áp bọn Bá-Đại giao giả nhà Tống. Trước đây qua châu Đay nói dối là có cáo-sắc (của vua cho làm quan) để mời Hữu-vượng. Hữu-Lượng cho là phải, cùng với thủ lĩnh châu Tư-minh hơn hai mươi người đem ăn-dồng, địa đồ và đồ thờ sẵn theo về nhà Tống, đi đến trại Dương sơn, thì chức thủ châu Ung là Triệu-Nguyên bắt Hữu-Lượng và đồ dâng qua cho sù-y. Người Tống thấy trong dâng có Dương-U thích con rồng đen ở bụng và thủ lĩnh Bồ-châu năm người, biết là người nước Nam ta, đều giả vờ (*Toàn-thư*, q. 4, tờ 5 a-b). *Khâm-định* (q. 4, tờ 41 b) chép chức thủ Ung-châu là Triệu-Nguyên bắt đưa về sù-y chém đi.

Tháng chín năm canh-ngọ 1150 quân Chân-lạp vào ăn cướp nước ta, đến núi Vụ-thấp, châu Nghệ-an, gặp nắng mưa, nhiều chướng-khí, quân tự nhiên vỡ (*Khâm-định*, q. 5, tờ 1 a).

Khoảng tháng mười năm nhâm-thân 1152, người nước Chiêm-thành là Ung-minh-tá-diệp đến cầu quyết, xin mệnh-lệnh của vua Lý để làm vua nước Chiêm. Vua

Lý ban chiếu cho chức thượng-chế là Lý-Mông đem hơn năm nghìn người ở phủ Thanh hóa và châu Nghệ-an đưa Ung-minh-tá-diệp về nước, lập làm vua. Bọn Lý-mông đến Chiêm-thành, bị vua Chiêm là Chá-bi-la bát (*Jaya Harivarma*) chống cự, Ung-minh-tá-diệp và Lý-Mông đều chết (*Khâm-định*, q. 5, tờ 6 a).

Tháng ba năm bính-tất 1166, sứ Chiêm thành đi đến châu Ô lý (nay Quảng-trị Thừa thiên), lấy quân phòng-thủy (ma-sư) qua bờ cướp những tầu thuyền ở bãi bờ của ta rồi về (*Toàn-thư*, q. 4, tờ 14 b).

Tháng bảy năm sau (1167) Vua Lý sai Tô-hiến-Thành đi đánh Chiêm-thành (*Toàn-thư*, q. 4, tờ 14 b). Quân Tô-hiến-Thành đến nước Chiêm, đưa thư cho vua Chiêm, trách là không sửa-lễ phiên-thần, lại bày tỏ lợi hại để chiêu dụ. Vua Chiêm sai sứ dâng trân-châu và phương-vật xin hòa. Vua Lý y cho, xuống chiếu cho Hiên-Thành thu quân (*Khâm-định* V. s. q. 5, tờ 13 b).

Tháng năm năm kỷ-mão 1159, nước Ngưu-bổng và Ai-lao vào ăn cướp nước ta, Vua Lý sai Tô-hiến-Thành đem quân tiến đánh, bắt được người và trâu, ngựa, voi, vàng bạc, châu báu rất nhiều. Tô-hiến-Thành vì có công được phong thái-úy (*Toàn-thư*, q. 4, tờ 13 a).

Tháng mười một năm tân-tý 1161 Lý Anh-tông sai Tô-hiến-Thành làm đô-tướng, Đỗ-an-Di làm phó-tướng, đem hai vạn quân đi tuần cõi tây nam và các xứ mạn bờ, để yên trị chôn biên-thủy,

vua thân đưa đến cửa bờ Thần-đầu (tức Thần-phủ) rồi về (*Khâm-định* q. 5, tờ 11 a).

Năm tân-mão 1171 Vua Lý muốn biết dân-tình tật-khố và đường bờ xa gần, bèn đi tuần đường bờ khảo xem hình-thế núi sông (*Khâm-định* q. 5, tờ 15 a). Đến tháng hai năm sau (1172) lại đi tuần đường bờ và cõi nam bắc, vẽ địa-đồ ghi chép phong-vật (*Toàn-thư*, q. 4, tờ 15 b).

Đấy là những việc đối với các nước nhỏ và những châu quận trong nước. Còn việc thông sứ với nước Tàu, thì năm tân-tý 1161 gặp kỷ tuế công, vua Lý Anh-tông sai đem thuần tượng cho nhà Tống, vua Tống bảo đại-thần rằng: « Trẫm không muốn lấy giống thú lạ mà làm nọc người ở xa », nên sai sù-y thần dụ rõ cho sứ-bộ biết rằng: từ lần sau bắt tất đem voi sang cống (*Toàn-thư*, q. 4, tờ 13 b).

Cách hai năm sau là năm giáp-thân 1164 vua Tống phong vua Lý Anh-tông làm An-nam Quốc-vương, đổi Giao-chỉ làm An-nam quốc (*Khâm-định* q. 5, tờ 12 a): Người Tàu gọi ta là nước An-nam, bắt đầu từ đây.

Sử ký của Ngô thỉ Sĩ chép rằng: « Nhà Tống từ khi thiên-đổ về phía nam, mỗi lần cống-sứ của ta đến tất do Quảng-tây giao nhận, sứ-giã của ta chưa từng đến kinh-đô Tàu. Đến năm giáp-thân 1164 Vua ta viết thư sang nhà Tống, xin cho sứ-giã ta đến cửa quyết; vua Tống y cho. Theo lệ cũ, cống bộ chưa từng đủ ba sứ-giã, vua Lý Anh-tông cho trung-vệ đại-phu (*Xem tiếp trang 16*)

Ta phải chống lại lời tuyên-truyền
man trá của bọn thực dân. . .

DÂN TỘC VIỆT-NAM

RẤT ĐỦ TỰ CÁCH ĐỂ TỰ TRỊ

NHỮNG KHẢ - NĂNG CỦA NGƯỜI VIỆT - NAM

Số 2

VŨ - BỘI - LIÊU

« Họ rất chăm-chỉ, ông ta viết lại thêm thông-minh rất mực, bọn người Đông-phương này khám phá dễ dàng như trò đùa những bí mật của nền học-vấn kiểu kỳ của ta, rồi đến lúc trở về nước, họ bảo nhau : « Văn minh của chúng chỉ có thể thối à ? Ở xa tưởng là ghê gớm lắm. hóa ra đến gần chẳng có quái gì » (Très travailleurs et par surcroît très intelligents, ces Asiatiques débrouillent comme 'en se jouant les mystères de notre orgueilleuse science, puis retournent dans leur pays en disant : « C'est tout cela leur civilisation ? De loin cela paraît formidable, et de près ce n'est vraiment pas grand' chose »).

Dưới đây là mấy câu chuyện do người ngoại quốc kể lại để chứng-tỏ cho trí thông minh phi thường của người Việt Nam :

Vua Gia-Long — theo nhời cố Lelabrousse, làm chức linh mục ở địa phận Nam bộ vào hồi cuối thế kỷ thứ 18 — có một trí khôn

nhau hơn, thấu suốt, một khiếu nhớ lạ lùng. Nhà vua mua một chiếc tàu tây đã cũ, đem về tháo tung ra từng mảnh để xem cách chế tạo, rồi ngài tự tay ráp lại y như cũ. Không những thế, ngài lại trông nom cho thợ đồng luôn ba chiếc chiến thuyền mới nguyên, mỗi chiếc có thể chở 300 thủy binh, và đặt 26 cỗ súng đại bác, có chiếc đặt tới 35 khẩu. Rồi sau này, ngài lại tự đứng ra điều khiển một trong mấy chiếc chiến-thuyền ấy.

Cả đến các binh khí, những thần công đại bác tả bạng, những xe chở súng, những viên đạn lớn nhỏ, đều do tay thợ bản xứ chế tạo ra cả.

Rồi cố Lelabrousse kết luận :

« Người ngoại-quốc đến xem những xưởng đóng chiến thuyền ấy phải động lòng kinh phục, nếu cả Âu Châu được trông thấy, thì cả Âu Châu cũng phải khâm phục ».

Đức thầy Bá đa Lộc nói về vua Gia Long, cũng viết : « Ông vua

ấy vì để đứng đầu một nước bên Âu Châu cũng không phải là không xứng đáng » ?

Và theo ông Đào Trinh Nhứt, cách đây hơn 200 năm, nước mình đã tự chế tạo lấy được đồng hồ máy, bất chước kiểu tây. Cố Bénigne Vachet lại kể rằng dưới đời chúa Hiền (1648-1687) một người thợ kim hoàn không biết tí gì về cơ khí, và không có qua một thứ máy móc nào cả, đã phỏng theo một chiếc đồng hồ báo thức ở Âu Châu mới đem sang, mà chế tạo được một chiếc đồng hồ khác, giống hệt cái trước, giống quá đến nỗi-cố Vachet nói — « trông không thể phân biệt được cái cũ với cái mới, giá như không phải nhìn mặt nhìn thấy, thì tôi tưởng như mình mê ngủ. Mà hai cái đồng hồ lại chạy đúng như nhau ».

Người ta lại còn nói Hồ nguyên Trừng, con Hồ quý Ly, một người giấu ốc khoa học, là người đầu tiên phát minh ra súng (?), và được người Tàu rất thán phục.

Gần đây nữa, ông Võ đơy Thanh, dưới đời vua Tự Đức, là người đầu tiên đã biến công dụng của than đá, và đã tâu vua xin tìm ngay cách khai thác những mỏ than ở Quảng yên, nói đó là nguồn lợi lớn của nước nhà. Nhưng tiếc thay, nhờ đề nghị của ông không được nhà vua để ý tới, và nghe theo ông lại còn chế ra một thứ than ngầm đặt tên là « than xa-mộc-thành ». rồi cùng ông Bùi Viện đem ra cửa bể Thuận An cho quân lính tập thử. Hình như, kết quả cuộc thí nghiệm ấy rất là mỹ mãn, ông đã thảo một lá sớ tâu vua về việc đó, cùng với bảy phương sách cải cách chính-trị quân sự; nhưng chưa kịp dâng vua thì mất! Sau này tờ di thảo ấy để lên, vua Tự Đức bực tức, nhân phê giao cho con cháu hãy tam lĩnh, về giữ lấy, để sau lúc dụng, vì cho là những việc ấy chưa cần làm!

Trí thông minh của người Việt nam lại còn tỏ rõ hơn nữa trong một công trình vĩ đại của đảng Cần vương: *thành Ba đình do Đinh công Tráng xây bằng đất, trên mặt đắp bùn, đã chống lại được với những đoàn quân lính Pháp tinh nhuệ đủ khí cụ tối tân, đông đã mấy tháng trời, Trong thành chỉ có ba trăm quân lính — sau này đến một nửa bị sốt rét và tể liệt — thế mà mấy ngàn quân Pháp tấn công, địch quân dần dần bị ném mìn thất bại.*

Sau mấy lần đại bại đầu tiên, hai đại tá Metz và Dods đánh

phải thức thâu và nghỉ chỉ còn cách vây thành trong khi đợi quân cứu viện: họ xin rút quân tất cả các đồn, mỗi nơi một nửa, để thu vào Thanh Hóa xin phái một đội hải quân pháp ở Trung Hoa sang giúp và mượn cả những đại bác của hải đội ấy để rồi đem dàn ra mặt trận.

Sang tháng giêng 1887, đạo quân đánh Ba Đình gồm tất cả là 76 trường pháp, trong số ấy có Joffre (hồi ấy đang đóng đại úy) và 3530 tên quân. Còn về binh khí, tại không lẽ súng trường và súng lục, hai thứ ấy nhiều vô kể, đạo quân lại có thêm 25 khẩu đại bác triệt thành. Ngoài ra, trên mặt sông, chung quanh Ba Đình, bố trí chiếc chiến hạm luôn luôn đi tuần tiễu.

Tuy vậy, trận ấy quân pháp cũng bị thua to. Kết quả, hai tướng tử trận, bốn tướng bị thương, 47 người vừa hạ sĩ quan, vừa lính pháp hoặc bị giết, hoặc bị thương, ấy là chưa kể những cơ lính pháo thủ bắc kỹ, và lính ả rập, chết cũng nhiều.

Và đến nửa tháng sau, Ba Đình mới bị hạ: khi thành lọt vào tay quân Pháp, thì quân Đinh công Tráng đã phá vòng vây trốn thoát 1).

II

Tập điều-trần của Nguyễn trường Tộ hay là: Một bài học cho bọn thực-dân.

Những người Pháp nào còn yếm-trí rằng không có họ, ta

không sao tới được cái trình độ hiện thời, đã tự-phụ một cách nực cười! Trái lại, họ đã kìm-giữ ta trên con đường tiến-hoá, và ví như không vì « một sự tình-cờ của lịch-sử » (1) mà họ bước chân tới đất này, thì có nhờ ta đã chiếm được một địa-vị quan-trọng trên bờ bể Thái-bình-dương. Cứ việc lấy một nước Thái-lan ra làm bằng chứng: *Cái nước Thái-lan về vãng ngày nay xưa kia vẫn phải e-sợ người Việt-nam, và mỗi một lần họ kéo quân sang nước ta, hay sang uy-hiệp Cao-mên — hồi ấy vẫn được ta bảo vệ — là lại bị quân mình đánh cho thua xiềng lỏng, và sau cùng phải xin hoà, và ký hoà ước với ta!* (năm 1848)

Cách đây tám mươi năm, một nhà nho sáng-suốt, một bậc vĩ-nhân của nước Việt-Nam, ông Nguyễn trường Tộ, trong nhều bài điều-trần chưa chứa niềm yêu nước, đã phác ra một chương-trình cải-cách lớn lao. Đọc những lời-lố thổng-thiết của vị bác học ái-quốc ấy, ta thấy một nỗi hờn mạt mạt tràn ngập cả tâm hồn: nước Việt-Nam đã sản-suất được một bậc tài-trí như thế, mà triều-đình hồi đó không biết thu-dụng, để đến nỗi làm phải cảnh vong-quốc đau-dớn sau này!

1) Theo ông Đào Trinh Nhất, trong cuốn « Việt sử giai thoại ».

1) Xem quyển « Ba đình » của Phan Trần Châu.

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 11)

Đoãn-tử-Tư làm đại-sứ, lại cho thừa-nghi-lang Lý-bang Chính làm chánh-sứ, trung-đực-lang Nguyễn-văn-Hiến làm phó-sứ, các chức tể-ngh-hành bởi giới đều đủ cả. Khi đến nơi, vua Tống khen là thành-f, lại thấy nhân-vật phong-nhĩ ô-n-hóa áo-mũ chính-tể đờng-bổ, rất lấy làm vui vẻ, muốn khiến cho hữu-ty, bàn đặt cho quốc-hiệu báo cho tên nước là An-nam-quốc, gia phong cho vua Lý làm An-nam quốc-vương » (Khâm-định, q. 5, tờ 12 b 13 a đến sử-ký Ngô-thi-Sĩ).

Đến năm Mậu-tý 1168, tháng tám, sứ nhà Tống sang, sứ Thát-đát (tức sứ nhà Nguyên) cũng sang, vua ta đều dụ và hậu thưởng ngậm lấy lễ tiếp đãi, không cho hai sứ gặp nhau (Toán-thư, q. 4 tờ, 14 b). Khâm-định (q. 5, tờ 14 a) còn án rằng: «Cựu-sử (Toán-thư) chép là Thát-đát cũng sang. Thát-đát tức nhà Nguyên. Lúc ấy người Kim còn mạnh, nhà Nguyên mới khởi ở Mạc-bắc, người Kim vào đất B-ộ-n (Kinh-đô của Tống), Tống phải thiên đô đến Lâm-an. Người Nguyên làm thế nào vượt người Kim mà sang nước ta? Sử Ngô-thi-Sĩ chép là «Sứ Tống, sứ Kim đều sang », nay nên theo ».

(Còn nữa)

Ưng-hào NGUYỄN-VĂN-TỔ

Cải học của Nguyễn trường Tộ bao-quát cả các môn khoa-học, văn-chương, thiên-văn, địa-lý, sử-ký, địa-dư, thương-mại, kinh-tế, rồi đến cả chính-trị, binh-pháp, ngoại-giao, tiên-sinh đều thông hiểu. Tiên-sinh lại còn là một kiến-trúc-sư có tài, và thạo cả nghề làm mỏ và đào sông. Vấn đề gì tiên-sinh cũng biết rõ ràng. Công việc gì tiên-sinh cũng cam-đoan tự đứng lên đốc-xuất, vì « ông hiểu thấu các then chốt cơ-khí, từ các máy nhỏ như máy đồng hồ, đến bộ máy lớn như máy lửa, máy đúc ».

Đọc những lời đề-nghị xác-đáng của tiên-sinh mà tôi sẽ tóm-tắt dưới đây (1), ta sẽ thấy công cuộc của người Pháp trên đất nước này không có gì là to-tát, lạ lùng cả : không có họ, ta cũng có thể tự-hiện được những việc họ đã làm mà còn hơn thế nữa. Tập điều-trần của Nguyễn trường Tộ thật là một bài học hay cho bọn thực-dân :

1) Việc võ bị: Ông xin mở các trường võ bị, mua súng ống, lập mộ độ kỵ-mã sang Ma-ni tìm ngựa tốt. Sắm đủ khí cụ, lập ra những xưởng cơ khí, nhờ người ngoại-quốc dạy nghề cho lính thợ. Sắm hỏa-thuyền mở xưởng đóng tàu thủy.

Việc phòng thủ: xây sửa các đồn ải theo lối mới, nhất là ở các cửa bể và các quan-ải. Sửa sang các thành-thị cho hợp với binh-pháp, và cất đại quân lính canh-phòng các nơi hiểm yếu :

Đề vận lương thực cho kinh-thành, ông xin cho đào một con sông lớn chảy từ Hải-dương vào Huế và nhân tự đứng lên đốc-xuất công việc.

2) Vấn đề ngoại giao: Tiên-sinh đem gương các nước Nhật, Xiêm đề khuyến-truyền-dịch bên giao hảo với các cường quốc, mở cửa bể cho họ thông-thương, đề có thể nhờ họ địa-dất trên con đường tiến-bộ.

3) Vấn đề cải cách giáo-dục: Đặt những môn học mới: luật học, sinh ngữ học, nông học, cách trị học, kinh-tế học. Đề có đủ sách cho học sinh, ông bản nên dịch ngay các sách ngoại-quốc một trong những vấn đề can hệ và khẩn cấp ở nước ta hiện thời) — Mua máy in để in sách phát cho dân chúng. — Mở một trường kỹ nghệ (cách-thứ: sắm sửa khí cụ, phương-pháp giảng dạy thế nào, ông đều nói rõ) — Hàng năm, cho học sinh đi du học ngoại quốc trong hạn 8, 9 năm. Như thế, chỉ trong mấy chục năm là ta có đủ nhân-tài để về giúp nước.

4) Vấn đề cải lương phong-tục: Bãi trừ các mối dị đoan, mê tín của dân quê (thế mà người Pháp đương như cố-ý dạy trị những cô-tục và mê tín: như việc cúng sớ đi đảo-vũ chẳng hạn)

(Còn nữa)

VŨ-BỘI-LIÊU

1) Tài-liệu rất trong quyển: « Nguyễn trường Tộ » của Nguyễn Lân.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SÚ

Số 18

*Ung-hoà NGUYỄN-VAN-TÔ

Thiên thứ năm ở quyển Việt nam văn học sử yếu n. bi về « ảnh hưởng của nước Pháp » Cả thế chỉ có một chương là chương thứ mười tám (tr. 176-183) : Ông Dương Quảng Hàm đề là « Các giáo sĩ Cổ Alexandro de Rhodes. Việc sáng tác chữ quốc ngữ ».

Trang 178, ông Hàm nói « việc sáng tác chữ quốc ngữ chắc là một công cuộc chung của nhiều người, trong đó có cả các giáo sĩ người Tây ban nha, Bồ đào nha và Pháp lan tây », tôi thiết tưởng nên thêm cả giáo sĩ người Việt nam. Vì cổ đạo sang nước ta, lúc đầu phải nhờ người nước ta giúp việc, tức là những thầy giảng sau này : thầy giảng dạy họ học tiếng ta, rồi phần nhiều hai bên dạy lẫn nhau : một bên dạy chữ la tinh hoặc chữ nước phương tây, một bên dạy tiếng Việt nam.

Muốn cho khỏi quên, tất phải ghi chép những tiếng mới học ; lần khi thầy giảng phải viết bảng học trò tập đọc, nên cùng với giáo sĩ tây ngữ ra cách dùng chữ La mã, nhất là chữ Bồ đào nha, để viết tiếng ta, đặt ra nam dân (sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng) thành chữ « quốc ngữ » Việt sáng tác đại khái như thế. Tuy chưa

có giấy má gì làm đích xác, vì hãy còn đề cả ở La mã hoặc ở các giáo hội Âu châu, nhưng cũng có thể đoán được, như thế Văn hiến sách học thì không nên dạy những việc đoán phỏng, nhưng tại ông Hàm nói là « trong đó có cả các giáo sĩ người Tây ban nha, Bồ đào nha và Pháp lan tây » mà cũng chưa lấy gì làm chắc, nên tôi nói là « nên thêm người Việt nam » ; nếu không, thì bỏ hẳn câu ấy đi.

Ông lại nói : « Nhưng người có công nhất trong việc ấy là cổ Alexandra de Rhodes, vì chính ông là người đầu tiên đem in những sách bằng chữ quốc ngữ ». Như thế mà bảo là « có công nhất » thì hơi quá : người đặt ra mới có thể gọi là « có công nhất », còn người in đầu tiên chỉ có thể gọi là « có công » mà thôi ; dù không biết người đặt ra là ai cũng không thể gọi người in đầu tiên là « có công nhất ». Và lại, ông Hàm nói rằng : « Theo bài tựa của tác giả (tức Đắc lộ, (Alexandre de Rhodes) thì các Nguyên thủ tác giả đã xem đề làm cuốn ấy (tức *Dictionarium anhamiticum lusitanum et latinum*, in ở La mã năm 1651) tại Tự vưng An nam Bồ đào nha của cổ Gaspar de

Amaral, người Bồ đào nha ; b) Tự vưng Bồ đào nha An nam của cổ Antoine Barbosa (chữ không phải Antoine de Barbosa), người Bồ đào nha. Hai cuốn này đều viết bằng tay và nay không còn truyền lại nữa » (tr. 179) Cứ như thế, thì tôi tưởng tại cuốn tự vưng của người Bồ đào nha ấy mới là « có công nhất ».

Cùng trang 179 về Âm vận tiếng ta. Ông Hàm nhận thấy : Quốc ngữ của cổ Đắc lộ in khác bây giờ như thế này : « phụ âm b ngày xưa nay đọc ra v thí dụ bua — vua ». Chữ chữ ấy là chữ b có một cái dưới ngoặc : về bên trái, Tự vưng của cổ Đắc lộ xếp riêng ra một vần ở sau vần b, chữ không phải vần b. Còn đọc ra tiếng, thì có tiếng gần giống chữ v, như chữ « bin (vin) ngành xuống » ở trang 69 chữ « bợ (vợ) mọn » ở trang 70 ; có tiếng gần giống chữ b, như chữ « liu môi, bieu mệng » ở trang 69. Cứ như thế thì tiếng ta về hồi xưa có cái gần gần như chữ v như chữ b. Cho nên sử ta còn chép một chuyện về đời Lạc long 2734 — 258 q trước T. C.) có câu đặt gọi vua là « hồ » ; chữ « bô » chính (Xem 412p trong 18)

BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC - LẬP

của nước Việt-nam Dân chủ
Cộng hòa do Chủ-tịch Chính-
phủ Nhân-dân Hồ Chí Minh đã
tuyên đọc trong Ngày Độc Lập

Tất cả mọi người đều sinh ra bình-dẳng. Tạo-hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm-phạm được. Trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự-do và quyền mưu nên hạnh-phúc.

Lời bất-hủ ấy ở trong bản tuyên-ngôn độc-lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là : Tất cả các dân-tộc trên thế-giới đều sinh ra bình-dẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự-do.

Bản tuyên-ngôn nhân-quyền và dân-quyền của cách-mạng Pháp năm 1791 cũng nói :

Người ta sinh ra tự do và bình-dẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình-dẳng về quyền lợi.

Đó là những lẽ phải không chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực-dân Pháp lợi dụng là có tự do, bình-dẳng, bác-ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân-dạo và chính-nghĩa.

Về chính-trị. — Chúng tuyệt đối không cho dân tộc ta một chút tự-do dân-chủ nào.

Chúng thi hành những pháp luật dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng dùng thuế,徭役, bắt buộc dư-luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế. — Chúng lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, rừng, mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta,

nhất là dân cây và dân biển trở nên bần cùng.

Chúng không cho các tư gia ta được gầy lâu, chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, Phát xít Nhật đến xâm lấn Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn Thực dân Pháp gầy, rồi đầu hàng, mở cửa nước ta trước Nhật. Tự đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích : Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái, sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn 2 triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày mùng 9 tháng 3 năm nay, Nhật tức khi giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc bỏ chạy, hoặc đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không « bảo hộ » được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta 2 lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp

đã không đáp ứng, lại thắng tôi, — Lâm thời chính-phủ của Pháp trên đất nước Việt nam. tay khủng bố Việt Minh hơn nước Việt-Nam mới. Đại biểu cho Toàn dân Việt-Nam trên dưới trước. Thậm chí đến khi thua toàn dân Việt-Nam tuyên bố thoát một lòng, quyết liều chết, chống lại chạy, chúng còn nhẫn tâm ly gián quan-hệ thực dân với Pháp, âm mưu của bọn thực-dân Pháp. giết một số đồng tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thủy, lại cứu cho người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật, và bảo hộ tính mệnh, tài sản cho.

Sự thực là từ mùa thu năm 1940 nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng Minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy đánh chính quyền lập nên.

**Nước Việt Nam
Cộng Hòa dân chủ**
Sự thực là dân ta lấy lại nước Việt Nam tự tay Nhật, chứ không phải tự tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo đại thoái-vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực-dân gần 100 năm uay oè gây nên nước Việt-Nam Độc-lập. Dân ta lại đánh đổ

chế-độ quân-chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế-độ Dân-chủ cộng-hòa. Bởi thế cho nên chúng

DU KỊCH CA

I

Anh em trong đoàn quân Du-Kịch.
Cùng vào súng lên nào.

Đi lên ! Đi lên !

Xuyên qua rừng, qua núi.

Trong mây mờ đêm tối.

Vượt suối, băng ngàn.

Giặc tiến tới đây, súng kia cùng nhau
cướp lấy.

Nhắm cùng nhau bắn.

Mấy viên là mấy quân thù.

Đi lên ! Xung phong, ta hợp cùng dân
chúng.

Cướp lấy phần chiến thắng.

Giải phóng giống nòi.

II

Đi lên, bên cờ quân cứu quốc.

Cùng lấp lười lê vào.

Xung phong ! Xung phong ! nhắm
quân thù xám tối.

Cướp lương thực khi đói.

Càng đánh càng đồn.

Đoàn Du-Kịch quân, kéo nhau vào
luôn chiếm đóng

Rồi cùng dân chúng cõng bành
trương chiến khu

Đi lên ! Đi lên ! ta trung thành hăng
hải

Dưới Quốc-kỳ pháp-phối, màu đỏ sao
vàng.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng Minh đã công nhận những nguyên tắc dân-tộc bình-dẳng ở các hội - nghị Tê-hê-răng và Cựu - Kim - sơn quyết không thể không nhận quyền độc lập của dân Việt-Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô-lệ của Pháp hơn 80 năm nay, dân- tộc đó phải được tự-do ! dân- tộc đó phải được độc-lập !

Vì những lẽ trên, chúng tôi — Chính phủ lâm-thời của nước Việt-Nam dân-chủ cộng-hòa — tuyên-bố với thế-giới rằng :

Nước Việt - Nam có quyền hưởng tự-do và độc lập và sự thực đã thành một nước tự do và độc-lập. Toàn dân Việt-Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực-lượng, tích-mệnh và của-cải để giữ vững quyền tự-do và độc-lập ấy.

Ký tên.

Hồ chí Minh chủ-tịch
Trần huy Liệu, Võ nguyên Giáp, Cao văn Tấn, Dương đức Hèn, Nguyễn văn Tố, Nguyễn mạnh Hà, Cù huy Cận, Phạm ngọc Thạch

xóa bỏ hết những hiệp-ước mà Pháp đã ký với nước Việt-Nam. Xóa bỏ tất cả mọi đặc-quyền của

Nguyễn văn Xuân, Vũ trọng Khánh, Phạm văn Đồng, Đào trọng Kim, Vũ đình Hoà, Lê văn Hiến.

« NGÀY ĐỘC LẬP »

(Tiếp theo trang 6)

Chúng tôi sẽ kiên quyết lĩnh đạo toàn dân giữ vững nền độc lập cho Tổ quốc và thực hiện bản chương trình của Việt minh, đem mang lại tự do hạnh phúc cho dân tộc.

Trong lúc giữ nền độc lập chúng tôi quyết vượt mọi khó khăn, nguy hiểm dù phải hy sinh tính mệnh cũng không lùi.

— Chúng tôi, toàn thể dân Việt nam xin thề: kiên quyết một lòng ủng hộ Chính phủ lâm thời Việt nam dân chủ cộng hòa. ủng hộ chủ tịch Hồ chí Minh.

Chúng tôi xin thề cùng Chính phủ giữ quyền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, chống mọi mưu mô xâm lược dù có phải chết cũng cam lòng.

Nếu Pháp đến xâm lược lần nữa thì chúng tôi xin thề:

Không đi lính cho Pháp

Không làm việc cho Pháp

Không bán lương thực cho Pháp

Không đưa đường cho Pháp

Lời thề của Chính phủ Lâm thời Cộng hòa và của quốc dân Việt nam trong Ngày Độc Lập thật cương quyết và mẫu mực.

Nếu cần máu chảy, toàn thể dân Việt đã cam kết danh thân thể cho Tổ quốc để bảo vệ đất nước.

Nếu cần sôi sục pha nơi súng đạn, tất cả mọi người đều đã xin thề dâng hiến ra bãi chiến trường gỏ tới giọt máu cuối cùng để tử chiến với kẻ thù.

Với những lời thề tự sinh và đoạn kết, toàn khối dân tộc Việt rồi đây hằng năm sẽ có dịp ăn mừng « Ngày Độc Lập ».

Trước mặt ngoại xâm đe dọa trong lúc ra về mọi người như còn văng vẳng bên tai lời căn dặn thiết tha của chủ tịch Hồ chí Minh mà dân tộc đã nhuộm vẻ phong sương của những ngày bốn bề nơi bãi ngoại:

— Của quý nhất của quốc dân là « độc lập » ta đã lấy được rồi; nhưng đồng bào ơi ở trường thề là thái bình đâu? Ta còn phải trải nhiều sự gian khổ ta phải sẵn sàng vượt mọi sự khó khăn để sau này sẽ còn nhiều cuộc kháng chiến thắng lợi to hơn nữa »

PHẠM - MẠNH - PHAN

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ

(Tiếp theo trang 15)

đọc ra năm thì có cái giọng vừa « hoa » vừa « vua », mà đến thế kỷ thứ mười bảy, cố Đả - lộ lại cuốn tự vựng bấy còn cái giọng nữa « nữa ». nên mới đặt ra chữ b có cái đuôi ngoặc về bên trái.

Đến câu « phụ - âm d ngày xưa nay đọc ra nh. Thí dụ: dề-dề: nhẹ nhẹ » (tr. 179). cũng nhâm. Đó là tiếng đang trong và tiếng đang ngoi. như không phải xưa với nay, hiện giờ tiếng nói ở Quảng trị: Thừa-biên tây còn nhiều tiếng vẫn d mà ở ngoài ta đọc ra nh; mà cũng có tiếng hệ ngoài ta cũng còn nói đến, như chữ « đương nào » đọc là « đương nào » Tự-vị Đả-lộ, tr 559 « con nhộng » nó là « con động », v. v.

Ông Hàm nói « có vài âm mất hẳn », rồi ông đưa « phụ-âm b » nay đổi làm (3 chữ, là) q, l, r). Thí dụ: đối blá: đối giá) ...; tàu blúp-bláp: tàu lúc-lắc; blái núi: trái núi ». Chia ra như thế nơi vụn vặt: tôi tưởng tiếng bl ngày xưa, bây giờ chỉ là t, g, tr hoặc l mà thôi. Chữ « đối blá » của ông thì dù cũng chỉ đọc là « đối trá » hoặc « đối đã », chứ không phải là « đối giá ».

Trang 180, Ông Hàm nhận thấy chữ quốc ngữ và rồi Đả-lộ làm tự vựng có vài chữ khác bây giờ. Cố ấy ông còn bỏ quên mấy chữ như sau này: văn đọc nay viết là ọc thí dụ: h-ọc (lò: trò), ng-ọc thủy - tinh (ngọc thủy - tinh), — ea; a: d-ạy d-ỗ (dạy) d-ỗ, t-ối d-ạ (tối dạ), d-ạo của (dao của), d-ắt trâu (dắt trâu), b-áo vào; — ae: e đi d-ập (đi đập); — ao-o: d-ạo (đạo); — ọc: ọc: b-ể d-ọc (bể dục); — ey: d-ầy lấy làm tr-ạo (lấy làm trọng); — aoc: u-ốc: c-ước (quốc); — aân: u-ân: tr-ăm l-ần (trăm lần); d-ên: u-ên: c-àea (quên hoặc quân); — aet: u-ét: l-ề l-ệt (lệ luật); — oat: u-ót: d-ưa c-ủa (dưa chuối); — ơ: u-ơ, u-ơ: th-ả b-é (thả bé). — ouc: oc, uc ng-ọc h-àng (ngọc hoàng), d-ịa ng-ục (địa ngục); — c-aiên: q-uyên: c-uồn sách (quyền sách) v. v. Nhưng cũng có vài văn quyền.

Tôi trích một đoạn ở trong quyển Pháp giảng làm ngày cho kẻ muốn (muốn) chịu phép rửa tội, mà beo (vào) đạo thánh

được Chúa blời (lời; trời). *Catholicismus Pro ijs, qui volunt suscipere Baptismum In nomine dei* (từ tr. 21 đến tr. 24) đề đọc-giải biệt chữ quốc-ngữ về hồi thế kỷ thứ mười bảy đối với bảy giờ khác nhau thế nào, và cái giọng văn về hồi ấy ra sao. Có một vài chữ bảy giờ không có, như chữ b có cái ngoặc về phía trái về chữ e, chữ o, chữ u có dấu ngã, xin đọc-giải tự nhiên cho. Đoạn sách ấy như sau này: « vì chúng đã có mỗ (lỗ) sáng lão (trong lòng) chúng tôi thì phải suy mỗ (lỗ) này, thật có cha cả là Chúa cả hoá ra mọi sự, thì mới nên mọi sự. Nhìn (nhân) vì sự ấy (ấy) thì đầu năm vua (vua) chúa An-nam làm phép cả, có đại thần cả và nước và coen coen (quân quốc) đến cả (cũng) thì đến ba đi cả (cũng), ra Giao mà tổ thượng đế; đến khi vua (vua) chúa đã tổ thượng đế đoạn, thì đại thần cả (cũng) kẻ cả lão (trong) nước, cả (cũng) cả và thiên hạ thì mới lấy vua (vua) Chúa trước (trước) mặt đến (dân). Thời đoạn ai rồi (ấy) thì về nhà mà lấy cha mẹ ru (cũng) kẻ bề trên (trên) mình: Ông (ông) bà, ông (ông) vãi, Lão (trong) việc này ta xét được người An nam lấy (lấy) mỗ (lỗ) mình mà thờ ba đứng cha, dù mà chưa biết tổ tông (tông) Thứ nhất (nhất), nhất là thượng phụ, thật là thượng đế, mà vua (vua) chúa An nam tổ thượng đế trước (trước) mặt thiên hạ cả (cũng) đại thần, thay vì các đến (dân) ở giữa vua (vua) chúa khi làm việc, mà các đến (dân) ở đây (đấy), dù mà chẳng biết, mà đứng

lặng cả (cũng) thờ thượng đế, là cha cả trên (trên) hết mọi sự, theo vua (vua) chúa bề (vãi). Làm việc tổ thượng đế đoạn thì kẻ cả lão (trong) nước đại thần cả (cũng) các đến (dân) thì kính vua (vua) chúa mà lấy xưng (xưng) như thời An nam. Ấy (ấy) là thật kính lấy trừ (trung) phụ cả và nước, là vua (vua) chúa. Sau hết khi ai này (này) về nhà mà lấy cha mẹ, ông (ông) bà, ông (ông) vãi; bởi vì có mỗ (lỗ) ở lão (trong) lòng mình đại (đại) kính phụ thứ ba, là nước dưới bề (vãi) Như có ba đứng cha tự nhiên hay biết cả (cũng) có ba đứng thượng phụ, vì cùng cha nào sinh đẻ con lành có, bưng (vưng) mỗ (lời) cha, thì cha thượng cho của cải mình: vì bằng cha sinh đẻ con kưng (cứng) cõ chẳng nghe mỗ (lời) cha, thì cha phạt lấy (lấy) roi mà đánh; vì bằng con chẳng chừa lâu thì cha cả (cũng) xa đi, mà chẳng cho của mình (mình). Sao (song) lo dù mà cha mẹ nào có con hiền lành bưng (vưng) phép, cho con mình làm quan thì chẳng được, mà cha mẹ nào có con dữ mà chẳng nghe mỗ (lời) thì cả (cũng) đánh chết chẳng được: có đánh chết tại có vạ. Sao (song) lo vua (vua) chúa có đến (dân) bưng (vưng) phép chẳng những là thượng mà cho tiền bạc của cải như cha mẹ, và kữa (cửa) nhà ruộng nương hơn cha mẹ nữa, mà lại cho làm quan quyền (quyền) bằng cổ (cổ) đến (dân) thì cả (cũng) được. Vì bằng ai làm nguy chẳng, bưng (vưng) là lo (lỗi) lỗi (lỗi) lão (trong) nước, vua (vua) chúa thì phạt

được, chẳng lo là cái của mà bị chém giết.

At thật thượng phụ là cha cả, chúa cả trên (trên) hết mọi sự, có thượng cõ phạt trả (trọng). vì chúng ai giữ đạo chúa cả, thì chúa thượng được no mọi sự đời này, mà lại đời sau thượng hàng búi bề bề (vui vẻ vãi). Vì bằng có ai chẳng kưng (đo chữ kưng của Tàu, nghĩa là chịu) thờ chúa cha mà lại thờ ma quỷ cả (cũng) các vật, đức chúa blời (lời) thì phạt được và cắt hết của thế (thế là đời) này. Cả (cũng) làm đau nặng (nặng) cho đến chết thì cả (cũng) được, mà lại phạt được vô cả (cũng) bề xưng (xưng) lão (trong) địa ngục (ngục) chịu khổ nan đời đời »

Xem như đoạn sách trên này thì có nhiều tiếng so với bảy giờ không thật đúng, cái đó một phần là tại người này nói tiếng ta cho nên giọng nói lơ lơ chứ không hẳn là tiếng nói ngày xưa khác với bảy giờ như thế. Còn giọng văn thì hết lối vào chữ nho, thỉnh thoảng có một hai tiếng nói chịu, đó cũng tại là tại tiếng, nên hóa ra như vậy.

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ



Bụi đời... gió cuốn,

TÔI KHÔNG TRẠNG TIẾNG TA

NẾU bây giờ, Có-Lý mạo - muội hỏi cái ông trạng - sư đã dịch *roue de secours* ra cái bánh xe... cứu-lễ nghĩa là đã nói tiếng Việt-nam không biết nam ti nào rằng :

— Bầm quan, từ trước đến nay, có bao giờ quan đã dự-bị đề sống cuộc đời tự-do của một người dân Việt-nam trong một nước Việt-nam độc-lập chưa ?

Thì chắc là vị trạng-sư ấy giận Có-Lý lắm, giận về chỗ để dám đi ngó vực lòng Ai-Quốc của ngài.

Và nếu Có-Lý khen một người bạn rằng :

— Ngài nói tiếng ta sôi quá !

Thì người ấy sẽ giận hơn ; và sẽ cho là Có-Lý chột mắt bởi vì cái lẽ rất thường, ai thì cũng phải nói sôi tiếng mẹ đẻ ở nước Nam, có những người không nói sôi tiếng mẹ đẻ, nhưng không phải tội họ đâu.

Khi một nước đã bị mất chủ-quyền chính-trị thì bao nhiêu cái xấu sẽ do đó mà ra. Cờ đeo xiềng, tránh làm sao cho khỏi sát sẹo ! Chúng ta chỉ nên đơn-đơn mà nhận rằng có nhiều người đồ những bằng rất lớn, mà ngọng tiếng ta. Xưa kia, nói tiếng Pháp là một giấu hiệu tri-thức, là một tang-chứng sang trọng. Vì thế có nhiều người trong những trường - hợp bất đắc dĩ phải nói tiếng ta, cố tình nói bằng giọng tây. Dùng người, người Phôn không cần những người có nhân-cách, mà chỉ cầu sao cho dễ bảo, dễ sai. Vì thế cho nên họ giậy ta nhiều thứ mà họ cố tình không-giậy ta cái khoa làm người. Và không có một trường học nào huấn-luyện học-trò để dự-bị cho thành những người dân xứng-đáng. Ai có tâm-huyết thì tự huấn-luyện lấy. Vì thế cho nên mới có cái cảnh đáng khóc của ngày nay : có những ông văn-khoa, luật khoa ở các tiếng nước mình chỉ thoảng tiếng nước người, giật được mảnh bằng lo, nghĩa là cướp được một cái cần câu cơm rất nhẹ, các ông ấy mừng lắm rồi, còn có nghĩ đâu đến ngày mà danh-dự và cả sự sinh-nhai nữa, nhớ thế, buộc người ta phải nói sôi tiếng mẹ đẻ. Nằm trên sự yên vui sung-túc, các ông ấy có ngờ đâu đến những cuộc đời đời nó khiến cho các ông ấy phải ngã bở chừng, dựng sọh những lảng con vệt để lời cái thành những người không... « an-am ».

CÓ LÝ

TẬP-CHU VĂN-HÓA : Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chancéulme, Basse